

PHỤ LỤC 02

**ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

(Đính kèm Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt														Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư											
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí			Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn		
1	TỔNG CỘNG						3.497.810	3.316.070	124.850	56.890	0	2.034.734	5.254	956.788	501.034			3.528.660	3.199.866	255.306	73.488	0	2.047.927	11.353	948.686	520.694			
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP						117.740	0	60.850	56.890	0	81.753	5.254	16.492	14.241			148.590	0	75.102	73.488	0	100.431	10.253	5.400	32.506			
1	Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Tây	xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Chợ Mới.	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của HĐND tỉnh	Diện tích khu đất: 15.000m <sup>2</sup> ; Khối 26 phòng học; Khối hành chính quản trị, phục vụ học tập; Công trình phụ trợ; Hạ tầng kỹ thuật, công trình nước sạch; trang thiết bị.	Đầu tư xây dựng mới các hạng mục góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đồng thời hoàn thiện tiêu chí đạt xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Mới, góp phần vào công cuộc phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh An Giang.	59.342		42.850	16.492		42.850		16.492				78.192		57.102	21.090		52.103	4.999	5.400	15.690	2023-2026	04 năm	
2	Trường trung học cơ sở Triệu Thị Trinh	P.Mỹ Hòa, TP Long Xuyên	UBND thành phố Long Xuyên	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh	Khối phòng học + khối bộ môn + Nhà thi đấu đa năng + Thư viện + khối hiệu bộ + công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho ngành giáo dục.	58.398		18.000	40.398		38.903	5.254	14.241				70.398		18.000	52.398		48.328	5.254	16.816	2021 - 2024	4 năm		

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chi trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chi trương đầu tư																	
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)			
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ:						3.380.070	3.316.070	64.000	0	0	1.952.981	0	940.296	486.793				3.380.070	3.199.866	180.204	0	0	1.947.496	1.100	943.286	488.188				
II.1	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						92.980	92.980	0	0	0	69.305	0	8.231	15.444				92.980	83.376	9.604	0	0	63.820	1.100	11.221	16.839				
1	Tuyến dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu, xã Châu Phong (giai đoạn 1)	TX. Tân Châu	Ban QLDA ĐTXD khu vực thị xã Tân Châu	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của HĐND tỉnh	9,07ha; 422 nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	92.980	92.980				69.305		8.231	15.444	2020-2024	4 năm	49.874 m2, bỏ tri 221 lô nền		Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	92.980	83.376	9.604			63.820	1.100	11.221	16.839	2021-2024	4 năm
II.2	GAO THÔNG						3.287.090	3.223.090	64.000	0	0	1.883.676	0	932.065	471.349				3.287.090	3.116.490	170.600	0	0	1.883.676	0	932.065	471.349				
1	Nâng cấp Đường tỉnh 958 (Tuyến Tri Tôn – Vàm Rầy)	Tri Tôn	Ban QLDA ĐTXD CTGT& NN	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh	Chiều dài tuyến đường: 18,80km	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch ngày càng cao trên tuyến, cũng như từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh theo quy hoạch, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội.	266.000	266.000				170.000		60.000	36.000	2022-2025	04 năm	Chiều dài tuyến đường: 18,80km		Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch ngày càng cao trên tuyến, cũng như từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh theo quy hoạch, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội.	266.000	239.400	26.600			170.000	60.000	36.000	2022-2025	04 năm	
2	Đường tỉnh 941 (đoạn nối dài)	Long Xuyên, Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD CTGT& NN	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh	11,8km đường và 6 cầu dài 186m và 14 công ngang đường	Giám áp lực giao thông đoạn QL91 qua địa phận thị trấn An Châu và Đường tỉnh 941 và phát triển kinh tế xã hội huyện Châu Thành	864.000	800.000	64.000			458.176		277.685	128.139	2022-2025	04 năm	11,8km đường và 6 cầu dài 186m và 14 công ngang đường		Giám áp lực giao thông đoạn QL91 qua địa phận thị trấn An Châu và Đường tỉnh 941 và phát triển kinh tế xã hội huyện Châu Thành	864.000	720.000	144.000			458.176	277.685	128.139	2022-2025	04 năm	
3	Đường tỉnh 947	Châu Phú, Châu Thành, Thoại Sơn	Ban QLDA ĐTXD CTGT& NN	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh	37,50km và 24 cầu dài 1450m, 09 công thủy lợi	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt cũng như từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh theo quy hoạch và góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	1.495.000	1.495.000				856.184		445.657	193.159	2024-2027	04 năm	37,50km và 24 cầu dài 1450m, 09 công thủy lợi		Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt cũng như từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh theo quy hoạch và góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	1.495.000	1.495.000			856.184	445.657	193.159	2024-2027	04 năm: Giai đoạn 2021-2025 bỏ tri 491.659 triệu đồng, giai đoạn 2026-2030 bỏ tri 1.003.341 triệu đồng		

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chỉ trương đầu tư đã được phê duyệt											Nội dung đề xuất điều chỉnh chỉ trương đầu tư																	
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện		
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)				
4	Tuyến đường vòng Công viên Văn hóa Núi Sam	Châu Đốc	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Châu Đốc	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh	Diện tích sử dụng đất: 140.266,51m <sup>2</sup> ; Chiều dài tuyến: 2,741m; Bao gồm các hạng mục: san lấp mặt bằng, hệ thống cây xanh + vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng, mặt đường, công ngang đường, Kênh Xáng, hệ thống thoát nước dọc (nước mưa), hệ thống cấp nước + trứ cứu hóa, đường dây trung thế.	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, vận chuyển hàng hóa của người dân trong khu vực, góp phần giải quyết ùn tắc, kẹt xe thường xuyên trong mùa lễ hội vía Bà Chúa Xứ Núi Sam.	299.877	299.877				163.150			89.870	46.857	2023-2026	04 năm	Diện tích sử dụng đất: 140.266,51m <sup>2</sup> ; Chiều dài tuyến: 2,741m; Bao gồm các hạng mục: san lấp mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, vận chuyển hàng hóa của người dân trong khu vực, góp phần giải quyết ùn tắc, kẹt xe thường xuyên trong mùa lễ hội vía Bà Chúa Xứ Núi Sam.	299.877	299.877				163.150			89.870	46.857	2023-2026	04 năm: Giai đoạn 2021-2025 bố trí 213.973 triệu đồng, giai đoạn 2026-2030 bố trí 85.904 triệu đồng
5	Tuyến tránh đường tỉnh 951 (đoạn từ Km8+550 đến Km15+950)	Phú Tân	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân	Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 và số 43/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh	Chiều dài tuyến 9km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954	362.213	362.213				236.166			58.853	67.194	2023-2026	04 năm	Chiều dài tuyến 9km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954	362.213	362.213				236.166			58.853	67.194	2023-2026	04 năm: Giai đoạn 2021-2025 bố trí 267.300 triệu đồng, giai đoạn 2026-2030 bố trí 94.913 triệu đồng